

# CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP THỊNH CƯỜNG

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP THỊNH CƯỜNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THINH CUONG INVESTMENT AND CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110621930

3. Ngày thành lập: 02/02/2024

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 1 ngách 55 ngõ 55 phố Gia Thượng, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0982796789

Fax:

Email: vnlemanhhung@gmail.com

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4322     |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4330     |
| 3.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4390     |
| 4.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4663     |
| 5.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Tổ chức, xúc tiến hoặc quản lý các sự kiện; Ủy thác xuất nhập khẩu; Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.                                                                                                                                                                                                                                                            | 8230     |
| 6.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6619     |
| 7.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6810     |
| 8.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: - Hoạt động của các đại lý kinh doanh bất động sản và môi giới; - Trung gian trong việc mua, bán hoặc cho thuê bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng; - Dịch vụ định giá bất động sản; - Sàn giao dịch bất động sản. (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 6820     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: - Dịch vụ thiết kế đồ thị; - Hoạt động trang trí nội thất;<br>- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp - Thiết kế kiến trúc công trình, thiết kế quy hoạch xây dựng - Thiết kế công trình cấp thoát nước - Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng | 7410        |
| 10. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét<br>Chi tiết: Khai thác cát, sỏi;                                                                                                                                                                                                                                             | 0810        |
| 11. | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2396        |
| 12. | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4912        |
| 13. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4932        |
| 14. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4933        |
| 15. | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5012        |
| 16. | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5021        |
| 17. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5022        |
| 18. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4101(Chính) |
| 19. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4102        |
| 20. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4211        |
| 21. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4212        |
| 22. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4229        |
| 23. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4311        |
| 24. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4312        |
| 25. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4321        |
| 26. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh;                                                                                                                                   | 4752        |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: LÊ MẠNH HÙNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 17/02/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001079045966

Ngày cấp: 05/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 1 ngách 55 ngõ 55 phố Gia Thượng, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 1 ngách 55 ngõ 55 phố Gia Thượng, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

Thời gian đăng từ ngày 03/02/2024 đến ngày 04/03/2024

\* Họ và tên: LÊ MẠNH HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/02/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001079045966

Ngày cấp: 05/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 1 ngách 55 ngõ 55 phố Gia Thượng, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 1 ngách 55 ngõ 55 phố Gia Thượng, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội